

Bảng Đối Chiếu Từ Ngữ...

Trần Văn Giang

Lời giới thiệu:

Có những từ ngữ của miền Nam và miền Bắc trước ngày 30 tháng 4 năm 1975 viết và cách dùng giống nhau; nhưng đồng thời cũng có rất nhiều chữ viết giống y như nhau nhưng ý nghĩa (hàn toàn khác biệt) dễ dàng gây “hoang mang” (confused) nếu người đọc (hoặc người nghe) không biết trước.

Ở Việt Nam sau 1975, vì nhiều lý do, một số từ ngữ của miền Nam (VNCH) đã bị thay thế hẳn. Tuy nhiên văn hóa và truyền thống của cộng đồng người Việt tị nạn CS ở hải ngoại vẫn tiếp tục duy trì các từ ngữ VNCH.

Đã có một số tác gia hiện đang sống ở hải ngoại viết về vấn đề gọi là “cái chết của ngôn ngữ Sài Gòn cũ.” Cá nhân tôi không đồng ý với quan điểm là tiếng Sài Gòn cũ (VNCH) đã hoặc sẽ chết. Thực tế cho thấy dân số tị nạn CS tại hải ngoại gần 3 triệu người hàng ngày vẫn dùng và bảo tồn chữ Sài Gòn cũ trong gia đình, trong thánh lễ nhà thờ, trong kinh lễ thuyết pháp Phật giáo, trong các sinh hoạt thiếu nhi thánh thể cũng như gia đình phật tử... Hiện nhiên chữ Sài Gòn cũ luôn luôn có sẵn và không hề thiếu thì hà cớ gì chúng ta phải dùng đến chữ của vi xi (riêng sự việc người dân Việt đang sống trong nước phải dùng từ ngữ CS trong mọi liên lạc, văn hóa là chuyện cũng dễ hiểu thôi...) Người Do thái sau khi tan hàng ở Palestine vì có thể bị diệt chủng (bởi áp lực của Hồi giáo và dân Ả rập) cả chục thế kỷ rồi. Họ cũng sống lưu vong khắp nơi trên thế giới giống như dân Việt tị nạn CS; Vậy mà khi vừa mới tái lập quốc gia Do thái ở khoảng năm 1950 là họ khai sinh ngay trở lại một từ ngữ (dead language) của họ, tiếng Hebrew, thành một sinh ngữ (living language). Với cái đà xuống dốc tệ hại của chủ nghĩa CS hiện nay ở Việt Nam thì cơ hội phục hưng của người quốc gia và sự trở lại tiếng Sài Gòn cũ không phải chỉ có trong ước mơ. Bây giờ chúng ta cứ vô tình dùng chữ ngây ngô của vi xi thì chẳng khác gì vô hình chung chúng ta chấp nhận CS (tương tự như trang điện báo của đảng CSVN hoan hỉ phổ biến sự thao dượt hải quân của Trung cộng trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam).

Tôi cố gắng thu góp lại, từ nhiều bài viết của nhiều tác giả và từ kinh nghiệm cá nhân, một số từ ngữ (của VC và VNCH) thuộc loại “dễ dàng gây hoang mang” này và tạm xếp vào một bảng đối chiếu dưới đây để quý vị rộng đường tham khảo; tùy ý sử dụng; và để may ra giúp quý vị tránh các trường hợp đáng tiếc (bị đồng bào chung quanh hiểu lầm “địa chỉ” của mình).

T.V.G.

TỪ NGỮ VC -- TỪ NGỮ VNCH

Ấn tượng - Đáng ghi nhớ, đáng nhớ

Bác sỹ / Ca sỹ - Bác sĩ / Ca sĩ

Bang - Tiểu bang (State)

Bắc bộ / Trung bộ / Nam bộ - Bắc phần / Trung phần / Nam phần

Báo cáo - Thưa trình, nói, kể

Bảo quản - Che chở, giữ gìn, bảo vệ

Bài nói - Diễn văn

Bảo hiểm (mũ) - An toàn (mũ)

Bè - Rê (tiền)

Bị (đẹp) - Không dùng động từ “bị;” chỉ dùng tĩnh từ (đẹp)

Bồi dưỡng (hồi lộ?) - Nghỉ ngơi, tắm bổ, săn sóc, chăm nom, ăn uống đầy đủ

Bóng đá - Túc cầu

Bức xúc - Dồn nén, bực tức

Bất ngờ - Ngạc nhiên (surprised)

Bổ sung - Thêm, bổ túc

Cách ly - Cô lập

Cảnh báo - Báo động, phải chú ý

Cái A-lô - Cái điện thoại (telephone receiver)
Cái đài - Radio, máy phát thanh
Căn hộ - Căn nhà
Căng (lắm) - Căng thẳng (intense)
Cầu lông - Vũ cầu
Chảnh - Kiêu ngạo, làm tàng
Chất lượng - Phẩm chất tốt (chỉ đề cập phẩm "quality," không đề cập lượng "quantity")
Chất xám - Trí tuệ, sự thông minh
Chế độ - Quy chế
Chỉ đạo - Chỉ thị, ra lệnh
Chỉ tiêu - Định suất
Chủ nhiệm - Trưởng ban, Khoa trưởng
Chủ trì - Chủ tọa
Chữa cháy - Cứu hỏa
Chiêu đãi - Thết đãi
Chui - Lén lút
Chuyên chở - Nói lên, nêu ra
Chuyển ngữ - Dịch
Chứng minh nhân dân - Thẻ Căn cước
Chủ đạo - Chính
Co cụm - Thu hẹp
Công đoàn - Nghiệp đoàn
Công nghiệp - Kỹ nghệ
Công trình - Công tác
Cơ bản - Căn bản
Cơ khí (tính từ!) - Cầu kỳ, phức tạp
Cơ sở - Căn bản, nguồn gốc
Cửa khẩu - Phi cảng, Hải cảng
Cụm từ - Nhóm chữ
Cứu hộ - Cứu cấp

Diện - Thành phần
Dự kiến - Phỏng định

Đại học mở - ???
Đào tị - Tị nạn
Đầu ra / Đầu vào - Xuất lượng / Nhập lượng
Đại táo / Tiểu táo - Nấu ăn chung, ăn tập thể / Nấu ăn riêng, ăn gia đình
Đại trà - Quy mô, cỡ lớn
Đảm bảo - Bảo đảm
Đăng ký - Ghi danh, ghi tên
Đáp án - Kết quả, trả lời
Đề xuất - Đề nghị
Đội ngũ - Hàng ngũ
Động não - Vận dụng trí óc, suy luận, suy nghĩ
Đồng bào dân tộc - Đồng bào sắc tộc
Động thái - Động lực
Động viên - Khuyến khích
Đột xuất - Bất ngờ
Đường băng - Phi đạo
Đường cao tốc - Xa lộ

Gia công - Làm ăn công
Giải phóng - Lấy lại, đem đi... (riêng chữ này bị VC lạm dụng rất nhiều)
Giải phóng mặt bằng - Ủi cho đất bằng
Giản đơn - Đơn giản

Giao lưu - Giao thiệp, trao đổi

Hạch toán - Kế toán
Hải quan - Quan Thuế
Hàng không dân dụng - Hàng không dân sự
Hát đôi - Song ca
Hát tốp - Hợp ca
Hạt nhân (vũ khí) - Nguyên tử
Hậu cần - Tiếp liệu
Học vị - Bằng cấp
Hệ quả - Hậu quả
Hiện đại - Tối tân
Hộ Nhà - Gia đình
Hộ chiếu - Sổ Thông hành
Hồ hởi - Phấn khởi
Hộ khẩu - Tờ khai gia đình
Hội chữ thập đỏ - Hội Hồng Thập Tự
Hoàn trắng - Ngụy nga, trắng lệt, đồ sộ
Hưng phấn - Kích động, vui sướng
Hữu hảo - Tốt đẹp
Hữu nghị - Thân hữu
Huyện - Quận

Kênh - Băng tần (Channel)
Khả năng (có) - Có thể xảy ra (possible)
Khẩn trương - Nhanh lên
Khâu - Bộ phận, nhóm, ngành, ban, khoa
Kiểu hội - Ngoại tệ
Kiệt suất - Giới, xuất sắc
Kinh qua - Trải qua

Làm gái - Làm điểm
Làm việc - Thăm vấn, điều tra
Lầu năm góc / Nhà trắng - Ngũ Giác Đài / Tòa Bạch Ốc
Liên hoan - Đại hội, ăn mừng
Liên hệ - Liên lạc (contact)
Linh tinh - Vớ vẩn
Lính gái - Nữ quân nhân
Lính thủy đánh bộ - Thủy quân lục chiến
Lợi nhuận - Lợi tức
Lược tóm - Tóm lược
Lý giải - Giải thích (explain)

Máy bay lên thẳng - Trực thăng
Múa đôi - Khiêu vũ
Mĩ - Mỹ (Hoa kỳ -USA)

Nắm bắt - Nắm vững
Nâng cấp - Nâng, hoặc đưa giá trị lên
Năng nổ - Siêng năng, tháo vát
Nghệ nhân - Thợ, nghệ sĩ
Nghệ danh - Tên (nghệ sĩ - stage name) dùng ngoài tên thật
Nghĩa vụ quân sự - Đi quân dịch
Nghiêm túc - Nghiêm chỉnh
Nghịệp dư - Đi làm thêm (2nd job / nghề phụ, nghề tay trái)
Nhà khách - Khách sạn

Nhất trí - Đồng lòng, đồng ý
Nhất quán - Luôn luôn, trước sau như một
Người nước ngoài - Ngoại kiều
Nỗi niềm (tĩnh từ!) - Về suy tư

Phần cứng - Cương liệu
Phần mềm - Nhu liệu
Phản ánh - Phản ảnh
Phản hồi - Trả lời, hồi âm
Phát sóng - Phát thanh
Phó Tiến Sĩ - Cao Học
Phi khẩu - Phi trường, phi cảng
Phi vụ - Một vụ trao đổi thương mại (a business deal - thương vụ)
Phục hồi nhân phẩm - Hoàn lương
Phương án - Kế hoạch

Quá tải - Quá sức, quá mức
Quán triệt - Hiểu rõ
Quản lý - Quản trị
Quảng trường - Công trường
Quân hàm - Cấp bậc
Quy hoạch - Kế hoạch
Quy trình - Tiến trình

Sốc ("shocked") - Kinh hoàng, kinh ngạc, ngạc nhiên
Sơ tán - Tản cư
Sư - Sư đoàn
Sức khỏe công dân - Y tế công cộng
Sự cố - Trớ ngại

Tập đoàn / Doanh nghiệp - Công ty
Tên lửa - Hỏa tiễn
Tham gia lưu thông (xe cộ) - Lưu hành
Tham quan - Thăm viếng
Thanh lý - Thanh toán, chứng minh
Thân thương - Thân mến
Thi công - Làm
Thị phần - Thị trường
Thu nhập - Lợi tức
Thư giãn - Tĩnh táo, giải trí
Thuyết phục (tính) - Có lý (makes sense), hợp lý, tin được
Tiên tiến - Xuất sắc
Tiến công - Tấn công
Tiếp thu - Tiếp nhận, thấu nhận, lãnh hội
Tiêu dùng - Tiêu thụ
Tổ lái - Phi hành đoàn
Tờ rơi - Truyền đơn
Tranh thủ - Cố gắng
Trí tuệ - Kiến thức
Triển khai - Khai triển
Tư duy - Suy nghĩ
Tư liệu - Tài liệu
Từ - Tiếng, chữ

Ùn tắc - Tắc nghẽn

Vấn nạn - Vấn đề
Vận động viên - Lực sĩ
Viện Ung Bướu – Viện Ung Thư
Vô tư - Tự nhiên

Xác tín - Chính xác
Xe con - Xe du lịch
Xe khách - Xe đò
Xử lý - Giải quyết, thi hành

(... còn tiếp)

* Quý vị nào thấy có thêm những chữ loại này ở đâu đó (?) hoặc thấy sự đối chiếu chưa đúng (!) thì xin vui lòng mách dùm để nhà cháu bổ túc (không phải bổ sung) và sửa đổi cho đúng (không phải là hoàn chỉnh) và cũng để mọi người cùng phần khởi (không phải là hồ hởi) tham khảo - Đa tạ...

Trần Văn Giang [ghi chép lại]